TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 16/6/2023.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đào.

2/ Ông Lê Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXX-ST ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Chị Phạm Thị Hoài Mộng D** - sinh năm: 1981**.**

Địa chỉ: Số 710 ấp N, xã M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn* **Anh Nguyễn Trung H** - sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 710 ấp N, xã M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hoài Mộng D trình bày: Chị và anh H sống chung vào năm 2009, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Nhựt vào ngày 12/8/2009. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống chung, thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân từ tháng 03/2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có hai con chung, đã trưởng thành lao động được nên chị không yêu cầu Toà án giiar quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Trung H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ và không có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền gải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số 710 ấp N, xã M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D, Tòa xét thấy: Chị D trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cụ cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ tháng 03/2023. Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắng mối quan hệ vợ chồng nhưng anh H vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D. Qua đó cho thấy, anh H không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với chị D. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắng được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn với anh H.

[5] Về con chung: Các con đã trưởng thành, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai không có nên Toà án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hoài Mộng D.

Về tình cảm: Chị Phạm Thị Hoài Mộng D được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

2. Án phí: Chị Phạm Thị Hoài Mộng D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023643 ngày 30/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND xã Thạnh Nhựt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).